

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐOAN HÙNG
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26/4/2024

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Vũ Thường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trí Dũng

2. Ông Nguyễn Đức Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Lan – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Kim Duyên - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2024/TLST-HNGĐ, ngày 04/3/2024, về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXX-ST ngày 01/4/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị L, sinh năm 1987

Nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991

Nơi cư trú: Khu C, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ

Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Bùi Thị L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn ngày 03/4/2015 tại UBND xã M, huyện Đ, trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình nhà anh T. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Từ năm 2017 chị đã về quê Thái Bình ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về con chung, tài sản chung, vay nợ chung: Chị L xác nhận không có.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn là anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không có mặt. Quá trình làm việc với mẹ đẻ anh T là bà Trần Thị N xác nhận: Anh T và chị L có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã M, huyện Đ. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau. Từ tháng 4/2017 chị L đã bỏ về Thái Bình ở từ đó đến nay không quay lại nữa. Bà N cũng xác nhận việc chị L xin ly hôn anh T có biết và nhất trí. Các văn bản tố tụng của Tòa án gửi, bà N đều nhận và thông báo cho anh T, anh T biết nhưng đều vắng mặt.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung, tài sản chung, vay nợ chung: Chị L xác nhận không có nên không phải giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị L phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn là chị Bùi Thị L cư trú tại huyện H, tỉnh Thái Bình khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Nguyễn Văn T cư trú tại huyện Đ, tỉnh Phú Thọ nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị L tuy vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập phiên tòa họp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án theo quy định.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn ngày 03/4/2015 tại UBND xã M, huyện Đ trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện, đây là một hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Từ tháng 4/2017 đến nay vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy mục đích xây dựng một gia đình hạnh phúc, bền vững giữa chị L và anh T không đạt được. Do vậy việc chị L xin ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận.

[2.2]. Về con chung, tài sản chung, vay nợ chung: Chị L xác nhận không có nên không phải giải quyết.

[3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị L phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung, tài sản chung, vay nợ chung: Không phải giải quyết.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền chị L phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai số: 0002148 ngày 04/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng. Chị L đã nộp đủ án phí.

Chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Văn T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Đoan Hùng;
- UBND xã Minh Tiến;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Vũ Thường